| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 1136/2017/DS-PT
Ngày: 13/12/2017
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Xuân.
*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Liên.
Bà Bùi Thị Kim Dung.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Thủy.
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*
Bà Hoàng Anh Nga là Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 tháng 12 năm 2017 và ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 309/DSPT ngày 27 tháng 7 năm 2017 về: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do có Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2591/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

**Nguyên đơn: Ông Danh C.** Sinh năm 1992.
Hộ khẩu thường trú: xã A, huyện G, Tỉnh K.
Địa chỉ liên hệ: 21, đường H, khu phố A, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩnh P. Sinh năm 1994.
Địa chỉ liên hệ: 21, đường H, khu phố A, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

**Bị đơn: Công ty L.**
Địa chỉ: 24, đường K, xã H, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng C1. Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn N. Sinh năm 1964.
Địa chỉ: 24, Đường K, xã H, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Vắng mặt không lý do.

**Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ông Nguyễn Đoàn H.** Sinh năm 1979.
Địa chỉ: 140/7 ấp C, xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Có mặt.

**2. Ông Danh P1.** Sinh năm 1969.
Hộ khẩu thường trú: xã A, huyện G, Tỉnh K.
Địa chỉ liên hệ: 21, đường H, khu phố A, phường L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Danh C có người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Hoài T trình bày:***

Ông Danh C là Đội trưởng Đội thi công công trình đại diện cho khoảng 20 công nhân xây dựng.

Từ khoảng tháng 6/2013 đến khoảng tháng 7/2014 Đội thi công của ông Danh C được Công ty L (gọi tắt Công ty L) thuê thực hiện hạng mục công trình khu dân sư số 10 huyện L – tỉnh A. Hợp đồng thi công không lập thành văn bản. Phía Công ty phân công ông Nguyễn Đoàn H quản lý, chỉ huy, còn phía ông Danh Cô thi công theo chỉ đạo.

Toàn bộ giá trị nhân công đã được phía Công ty L nghiệm thu thực hiện là 825.673.644 đ (Tám trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng). Phía Công ty L đã thanh toán 608.537.000 đ (Sáu trăm lẻ tám triệu, năm trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Công ty còn nợ lại ông Danh C 217.136.644 đ (Hai trăm mười bảy triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Do đó, ông Danh C đề nghị Tòa án buộc Công ty L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả ngay một lần số tiền 217.136.644 đ **(**Hai trăm mười bảy triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

***Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Công ty L có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Văn N trình bày:***

Từ đầu năm 2013 đến khoảng cuối năm 2014, Công ty L nhận thầu thi công công trình xây dựng hạ tầng đường số 10 - Huyện L - Tỉnh A do Công ty T làm chủ đầu tư. Thời gian này, Công ty cử ông Nguyễn Đoàn H phụ trách công trình, quản lý các đội khoán làm việc tại công trình.

Ông Danh C là người đại diện cho một đội khoán do ông Nguyễn Đoàn H phụ trách quản lý như ông H đã trình bày tại Tòa. Công ty L đã thanh toán đầy đủ chi phí nhân công cho đội khoán của Danh C. Tổng số tiền ông Danh C đã nhận từ Công ty L và ông H nhận thay để giao lại cho ông Danh C như ông H trình bày là đúng với chi phí nhân công đội Danh C đã thực hiện.

Do đó, Công ty L không còn nợ Danh C, đây là vấn đề tranh chấp giữa ông Nguyễn Đoàn H và ông Danh C. Ông xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đoàn H trình bày:***

Tổng số tiền đội Danh C ứng tại Công ty L là 818.737.644 đồng. Ông Danh C nhận 602.037.644 đồng. Ông đã nhận hộ và đưa cho ông Danh P1 (cha của ông Danh C) là 211.700.000 đồng. Các giấy tờ chứng minh kèm theo:

- Bảng đề nghị tạm ứng từ ngày 12/12/2013 đến ngày 25/7/2014 (đây là cơ sở chứng minh ông Danh P1 đã nhận số tiền từ Công ty L 818.737.644 đồng.
- Bảng tổng hợp khối lượng ngày nhận tiền từ ngày 05/6/2013 đến ngày 02/8/2014 (đây là cơ sở chứng minh ông Danh P1 đã nhận đủ tiền).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 105, Điều 116 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh C. Về việc đòi lại tài sản đối với Công ty L.

2/ Về án phí: Ông Danh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.856.832 đ (Mười triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi hai đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.428.416 đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009744 ngày 15/01/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, như vậy ông Danh C còn phải nộp thêm 5.428.416 đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 04/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/7/2017 với nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Danh C yêu cầu Công ty L trả số tiền 217.136.644 đồng còn thiếu do Đội thi công của ông Danh C thực hiện tại Công trình xây dựng hạ tầng đường số 10 Huyện L - Tỉnh A, qua hòa giải và kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đoàn H là kỹ sư phụ trách công trình này trình bày tổng số tiền mà Công ty L đã giao cho ông và ông đã chi trả đủ cho ông Danh P1 (là cha của ông Danh C) người đã ký nhận tiền theo các giấy thanh toán tiền mà ông H đã cung cấp cho Tòa, nhưng Tòa án nhân dân huyện C chưa triệu tập ông Danh P1 để làm rõ vấn đề này. Vì vậy, để giải quyết vụ kiện một cách chính xác và đúng quy định của pháp luật cần phải đưa và xác định ông Danh P1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Do bản án sơ thẩm có vi phạm, nên cần phải kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C theo thủ tục phúc thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng nghị và đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử lại nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Nguyên đơn ông Danh C trình bày: Nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo nhưng Tòa án nhân dân huyện C không nhận đơn, lý do lúc đó nguyên đơn đi làm ăn xa không về được, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn nộp đơn kháng cáo nhưng không được Tòa án chấp nhận.
Ông Danh C đại diện cho tốp thợ khởi kiện Công ty L đòi số tiền còn nợ lại là 217.136.644 đồng. Trong thời gian thi công từ ngày 26/4/2013 đến ngày 25/7/2014, tổng số tiền Công ty phải trả cho tốp thợ của ông Danh C là 825.637.644 đồng. Trong đó số tiền trực tiếp ông Danh C đã nhận từ Công ty là 608.537.000 đồng. Số tiền còn lại ông Hòa khai là ông đã nhận hộ và ông đưa cho bố ông là ông Danh P1, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Đề nghị Công ty phải có trách nhiệm trả ông số tiền này. Nay ông đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Đoàn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Tổng số tiền tốp thợ của ông Danh C làm cho Công ty L từ ngày 26/4/2013 đến ngày 25/7/2014 là 825.637.644 đồng. Ông Danh C đã trực tiếp nhận và báo tại công trường ở Tỉnh A là 608.000.000 đồng. Ông H là người đã nhận hộ ông Danh C là 211.000.000 đồng. Vì ông Danh P1 không biết chữ nên ông có ký và nhận thay và có thể hiện trong bảng đề nghị tạm ứng và bảng tổng hợp khối lượng theo sổ sách của công trường. Nay ông không còn trách nhiệm gì với ông Danh C nữa.

Ông Danh P1 trình bày: Ông là thợ làm công cho ông Danh C, ông không biết và không nhận tiền của ông Nguyễn Đoàn H. Ông không liên quan gì đến việc giao nhận tiền giữa ông H và ông Danh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Công ty L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty L phải thanh toán số tiền còn nợ là 217.136.644 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C nằm trong thời hạn luật định nên chấp nhận kháng nghị hợp lệ và tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị nên có cơ sở đưa vụ kiện ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm: Ông Danh P1 được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập tham gia phiên tòa, quá trình xét hỏi, đối chất tại phiên tòa ông Danh P1 khẳng định ông không nhận tiền của ông Nguyễn Đoàn H, ông không liên quan gì đến việc giao nhận tiền giữa ông Nguyễn Đoàn H và ông Danh C.

Ông Nguyễn Đoàn H tại phiên tòa cũng không có tài liệu chứng cứ gì liên quan đến việc đưa tiền cho ông Danh P1, Nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể đưa ông Danh P1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

Ông Danh C khởi kiện tranh chấp về đòi lại tài sản với Công ty L. Sau khi xét xử sơ thẩm, Đại diện ủy quyền của ông Danh C kháng cáo tuy nhiên đơn kháng cáo không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, mặc dù vậy vẫn có đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị nên Tòa án vẫn đưa vụ kiện ra xét xử theo trình tự phúc thẩm nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho các bên đương sự.

Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng khoán việc giữa một bên là Công ty L và một bên là ông Danh C đại diện cho tốp thợ xây dựng. Xét quan hệ hợp đồng trên, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là hợp đồng miệng giữa một bên là Công ty L cử ông Nguyễn Đoàn H đại điện và một bên là tốp thợ do ông Danh C đại diện. Nay ông Danh C khởi kiện Công ty L (gọi tắt là Công ty L) là đúng đối tượng. Ông Nguyễn Đoàn H chính là người đại diện cho Công ty, được Công ty ủy quyền, cử ra phụ trách một số mặt của công trình xây dựng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông Đặng Văn N thừa nhận quan hệ lao động khoán việc đã được phát sinh giữa hai bên nên hợp đồng này được chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Danh C yêu cầu Công ty L thực hiện nghĩa vụ trả nợ, trả ngay một lần số tiền 217.136.644 đ **(**Hai trăm mười bảy triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đều thừa nhận tốp thợ của ông Danh C làm cho Công ty. Tổng số tiền Công ty phải trả cho tốp thợ của ông Danh C là 825.637.644 đồng. Trong đó số tiền trực tiếp ông Danh C đã nhận từ Công ty là 608.537.000 đồng. Số tiền Công ty còn nợ lại là 217.136.644 đồng.

Xét lời trình bày của ông Nguyễn Đoàn H là kỹ sư xây dựng của Công ty L đã xác nhận chính ông H là trực tiếp quản lý tốp thợ, ông H khai đã nhận hộ ông Danh C số tiền là 211.000.000 đồng. Chứng cứ ông H đưa ra là số liệu bảng kê do ông báo tại công trường. Nhưng những chứng cứ thể hiện việc ông đưa tiền cho ông Danh C, hay ông Danh P1 đều không có. Như vậy, số tiền này hiện nay ông Nguyễn Đoàn H chưa chứng minh được. Mặt khác, việc ông Danh C đại diện cho tốp thợ thi công công trình cho Công ty thì Công ty có trách nhiệm trả tiền cho ông Danh C, nếu ông Nguyễn Đoàn H nhận hộ cho ông Danh C thì phải có giấy ủy quyền của ông Danh C hoặc sau khi ông Nguyễn Đoàn H nhận tiền hộ từ Công ty về ông Nguyễn Đoàn H phải giao ngay cho ông Danh C, và biên nhận nhận tiền của ông Danh C đối với ông Nguyễn Đoàn H phải được nộp cho kế toán của Công ty để kế toán Công ty vào sổ sách và quyết toán thu chi.

Mặc dù tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Nguyễn Đoàn H có thừa nhận là nhận tiền hộ từ Công ty, nhưng không có tài liệu chứng cứ, sổ sách kế toán thể hiện ông Nguyễn Đoàn H nhận tiền từ Công ty ngày nào, chứng từ ra sao? Bao nhiêu tiền? Mặt khác, người đại diện hợp pháp của Công ty vắng mặt không có lý do và không có tài liệu để xuất trình. Và Công ty cũng không có yêu cầu phản tố để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Do vậy, nếu sau này giữa ông Nguyễn Đoàn H và Công ty L không tự giải quyết được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

Như vậy, với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã chứng minh bằng sự thừa nhận của các bên đương sự đủ cơ sở xác định số tiền Công ty L còn nợ lại tốp thợ do ông Danh C đại diện là 217.136.644 đồng. Xét thấy, cần buộc Công ty L trả số tiền còn lại cho ông Danh C. Do đó, yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

Về tiền lãi suất ngân hàng ông Danh C không yêu cầu nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

*Vì các lẽ nêu trên;*

Căn cứ các Điều 293; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 93, Điều 147, Điều 148, Điều 228, Điều 280; Điều 281 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 105, Điều 116, Điều 119, Khoản 1 Điều 280, Điều 352 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 04/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử**:

**Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**Sửa án sơ thẩm.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh C. Về việc đòi lại tài sản đối với Công ty L.

2. Buộc Công ty L phải có trách nhiệm trả cho ông Danh C số tiền công thợ còn nợ là 217.136.644 đ (Hai trăm mười bảy triệu một trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng).

Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm Công ty L phải chịu là 10.856.832 đ (Mười triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi hai đồng).

Án phí sơ thẩm ông Danh C không phải nộp.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông Danh C đã nộp là 5.428.416 đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009744 ngày 15/01/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm các đương sự không phải nộp.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với người không tự nguyện thi hành án tương ứng với thời hạn chưa thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân huyện C (2);
- Chi cục THADân sự huyện C (1);
- Các đương sự (7);
- Lưu (10). (25b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Xuân**